TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2019/HC-ST
Ngày: 26-3-2019
V/v*"Kiện Quyết định hành chính về quản lý đất đai "*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Thiện
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Ngọc
Bà Đỗ Hồng Hà

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Lê Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BR-VT tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Duyên Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý sơ thẩm số 202/2018/TLST- HC ngày 12/10/2018 về việc khởi kiện Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 và Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện C; Quyết định số 3673/QĐ-UBND ngày 29/6/2016, Quyết định số 3708/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 và Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C; Buộc UBND huyện C bồi đất còn thiếu và xác định lại giá bồi thường theo Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 06/2019/QĐST-HC ngày 11/3/2019, giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Tổ 3, thôn B, xã Đ, huyện C, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (BR-VT), (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Phan Văn M - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 01 đường P, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Lê Văn D - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, có mặt;

- Ông Võ Đông G - Phó giám đốc trung tâm phát triển qũy đất huyện C, có mặt;

Cùng địa chỉ: Số 70 đường T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 29/6/2016, UBND huyện C ban hành Quyết định số 3673/QĐ-UBND thu hồi 290m^2 đất, thuộc thửa số C/508, tờ bản đồ địa chính số 42, xã Đ (tương ứng tờ bản đồ thu hồi số 1, thửa thu hồi số 3A) của ông Nguyễn Văn Q để đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng Khu tái định cư và giao đất ở mới tại xã Đ, huyện C.

Ngày 06/7/2016, UBND huyện C ban hành Quyết định số 3708/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho ông Q với tổng số tiền 59.267.700đ. Sau đó, UBND huyện C ban hành Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 để bồi thường bổ sung cho ông Q số tiền 11.525.400đ. Ông Q không đồng ý, có đơn khiếu nại và yêu cầu: bồi thường thêm 62,8m^2 đất còn thiếu; bồi thường, hỗ trợ giá đất cao hơn; bồi thường giá vật kiến trúc cao hơn; bồi thường giá cây trồng cao hơn.

1. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người khởi kiện trình bày:

Lý do khởi kiện:

- Ông Q sử dụng 1.659,8m^2 đất, bị thu hồi là 352,8m^2 đất trong khi gia đình ông Q chỉ được bồi thường 290m^2 là còn thiếu so với diện tích đất thực tế sử dụng nên ông Q yêu cầu UBND huyện C ban hành Quyết định thu hồi và phê duyệt bổ sung đối với 62,8m^2.

- Về yêu cầu bồi thường giá đất khu vực 2, vị trí 1 là 180.000đồng/m^2: Đây là giá đất ông Q tham khảo trên báo, mạng tại thời điểm Nhà nước có quyết định phê duyệt. Giá đất nhà nước phê duyệt 71.000đ là không phù hợp với giá thị trường, quá thấp, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông Q.

Vì vậy ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh BR-VT về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Q lần hai (Quyết định số 3223);

- Hủy Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Q lần đầu, (Quyết định số 1568);

- Hủy Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của UBND huyện C, về việc phê duyệt kinh phí bồi thường bổ sung cho ông Nguyễn Văn Q để đầu tư xây dựng dự án: Hạ tầng khu tái định cư và giao đất ở mới tại xã Đ, huyện C, (Quyết định số 289);

- Hủy Quyết định số 3673/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND huyện C về việc thu hồi 290m^2 đất của ông Q, (Quyết định số 3673);

- Hủy Quyết định số 3708/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 của UBND huyện C về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Q, (Quyết định số 3708);

- Buộc UBND huyện C phải bồi thường 62,8m^2 đất còn thiếu và xác định lại giá bồi thường theo Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh BR-VT với giá đất khu vực 2, vị trí 1 là 180.000đồng/m^2.

2. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người bị kiện Chủ tịch UBND huyện C và UBND huyện C trình bày:

- Đối với yêu cầu UBND huyện C phải bồi thường 290m^2 đất theo đơn giá khu vực 2 vị trí 1 (492.000 đồng/m^2):

+ Đối với giá bồi thường: Căn cứ Khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất: *"Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất".*

Tại thời điểm phê duyệt kinh phí để tính bồi thường, hỗ trợ cho ông Q, UBND huyện C đã căn cứ Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 07/3/2016 của UBND tỉnh BR-VT về việc phê duyệt giá đất cụ thể để thực hiện công tác bồi thường công trình Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và giao đất ở mới tại xã Đ, huyện C thì giá đất cụ thể của thửa đất thu hồi số 3A tờ bản đồ thu hồi số 1 được xác định là 71.000 đồng/m^2; do đó UBND huyện C ban hành Quyết định số 3708 phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Q đối với 290,0m^2 đất nông nghiệp có đơn giá 71.000 đồng/m^2 là đúng quy định.

- Giá đất hỗ trợ đối với 290m^2 đất nông nghiệp (59.000đồng/m^2× 1,5=88.500đồng/m^2) theo quyết định số 3708/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 của UBND tỉnh là đúng quy định.

Do đó, ông Nguyễn Văn Q khởi kiện yêu cầu bồi thường đất với đơn giá 492.000 đồng/m^2 là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu UBND huyện C phải bồi thường bổ sung phần diện tích 62,8m^2:

Nguồn gốc sử dụng 1.597m^2 của ông Q thuộc thửa đất số 508 tờ bản đồ địa chính số 42 xã Đ là nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Vũ Xuân H (vợ là bà Phan Nguyệt Kiều O) từ năm 2014, ông Q đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 277935 ngày 12/6/2014.

Ngày 13/8/2015, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C có Biên bản số 04/BB kiểm kê hiện trạng đất đai, nhà, vật kiến trúc, cây trồng phục vụ cho việc thu hồi đất; riêng diện tích đất kiểm kê là 352,8m^2 thuộc thửa đất thu hồi số 3A tờ bản đồ thu hồi số 1.

Qua kiểm tra và đối chiếu với hồ sơ địa chính thì trong diện tích 352,8m^2 đất đã kiểm kê của hộ ông Q thể hiện:

- Phần đất đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ là 290,0m^2 thuộc một phần thửa đất số 508 tờ bản đồ địa chính số 42 xã Đ, đất đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận số BU 277935 ngày 12/6/2014 cho ông Q.

- Phần đất không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ là 62,8m^2 thuộc đất đường giao thông do Nhà nước quản lý, ông Q đã bao chiếm sử dụng.

Như vậy, phần diện tích 62,8m^2 nêu trên không nằm trong tổng 1.597m^2 của thửa đất số 508 tờ bản đồ địa chính số 42 xã Đ đã được UBND huyện C cấp GCNQSD đất số BU 277935 ngày 12/6/2014 cho ông Q; phần đất 62,8m^2 được xác định là đất giao thông do Nhà nước quản lý, ông Q đã bao chiếm sử dụng.

Do đó, ông Q khởi kiện yêu cầu bồi thường bổ sung 62,8m^2 đất là không có cơ sở.

Nên UBND huyện C ban hành các quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ về đất của ông Q đúng quy định; Đề nghị Tòa án Nhân dân tỉnh BR-VT bác yêu cầu khởi kiện của ông Q.

3. Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trình bày:

Tính hợp pháp của Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh BR-VT (Quyết định số 3223);

Ông Q có đơn khiếu nại Quyết định số 3708 và Quyết định số 289 của UBND huyện C là khiếu nại quyết định hành chính về quản lý đất đai theo quy định tại Điều 22, Điều 66, Điều 69 và Điều 204 Luật Đất Đai năm 2013, nên Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1686 là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 1 Điều 31 Luật Khiếu nại.

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 và khoản 1 Điều 40 Luật Khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh thụ lý và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần

hai số 3223 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và hình thức mà pháp luật quy định.

Tính có căn cứ của Quyết định số 3223 của Chủ tịch UBND tỉnh BR-VT:

+ Đối với yêu cầu bồi thường diện tích 62,8m^2 đất còn thiếu:

Tổng diện tích 1.597m^2 đất ông Q sử dụng và được UBND huyện C cấp GCNQSD đất số BU 277935 ngày 12/6/2014. Sau khi thu hồi và bồi thường 290m^2 đất nêu trên thì ngày 21/3/2017, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C đã tiến hành đo đạc, xác định diện tích đất còn lại của ông Q được nhà nước công nhận quyền sử dụng là 1.307m^2 đảm bảo đầy đủ về diện tích đất và quyền lợi của ông Q (1.307m^2 + 290m^2 = 1.597m^2 là bằng với diện tích trước khi thu hồi). Nên ông Q khiếu nại yêu cầu bồi thường 62,8m^2 đất còn thiếu, là không có cơ sở.

+ Đối với yêu cầu bồi thường, hỗ trợ giá đất cao hơn:

Ngày 07/3/2016, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 501/QĐ-UBND phê duyệt giá đất cụ thể để thực hiện công tác bồi thường khi nhà nước thu hồi để đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư và giao đất ở mới tại xã Đ, huyện C. Căn cứ theo Quyết định số 501 nêu trên, UBND huyện C đã xác định giá bồi thường từng thửa đất, đối chiếu với vị trí thửa đất thu hồi của ông Q để tiến hành áp giá bồi thường là đúng. Do đó, ông Q yêu cầu bồi thường giá đất cao hơn là không có cơ sở.

Từ những cơ sở và căn cứ trên, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 3223 theo đó *"Bác các nội dung khiếu nại của ông Q về việc yêu cầu bồi thường diện tích 62,8m^2 đất còn thiếu; bồi thường, hỗ trợ giá đất cao hơn và bồi thường giá cây trồng cao hơn; Giữ nguyên các nội dung này tại Quyết định giải quyết lần đầu số 1568/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện C"* là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án Nhân dân tỉnh BR-VT bác đơn khởi kiện của ông Q; Công nhận tính hợp pháp và tính có căn cứ của Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 3223 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BR-VT phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Ông Q khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định và yêu cầu buộc UBND huyện C phải bồi thường diện tích đất còn thiếu và bồi thường đất

theo giá 180.000 đồng/m^2 là không có căn cứ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính bác toàn bộ khởi kiện của ông Q.

XÉT THẤY:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có văn bản nêu ý kiến, quan điểm; đồng thời có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch UBND huyện C. Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia phiên Tòa nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 157, 158 Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết các Quyết định:

Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 và Quyết định số 1568/QĐ-UBND cùng ngày 15/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện C; Quyết định số 3673/QĐ-UBND ngày 29/6/2016, Quyết định số 3708/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 và Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C; Yêu cầu buộc UBND huyện C phải bồi đất còn thiếu và xác định lại giá bồi thường theo Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh BR-VT là các quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai; Thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT theo khoản 1 Điều 30, khoản 3, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất với ông Q liên quan các quyết định khởi kiện nên được xem xét khoản 1 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 07/9/2018, Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT nhận được đơn khởi kiện của ông Q là còn thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[4]. Xét tính hợp pháp, có căn cứ của các quyết định bị kiện nêu trên, thấy:

[4.1]. Về hình thức: Các quyết định hành chính bị kiện được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Luật khiếu nại năm 2011.

[4.2]. Về nội dung:

[4.2.1]. *Đối với yêu cầu buộc UBND huyện C phải bồi thường diện tích 290m^2 đất theo đơn giá khu vực 2 vị trí 1 (180.000 đồng/m^2):*

Căn cứ Khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất: "Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất".

- Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, cụ thể Công ty Thẩm định giá Đ có Chứng thư thẩm định giá số 3761/2015/VLAND-HCM ngày 26/11/2015 (Chứng thư thẩm định giá số 3761) và UBND tỉnh BR-VT có Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 07/3/2016 về việc phê duyệt giá đất cụ thể để thực hiện công tác bồi thường công trình Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và giao đất ở mới tại xã Đ, huyện C. Căn cứ Quyết định này, giá đất cụ thể của thửa đất thu hồi số 3A tờ bản đồ thu hồi số 1 được xác định là 71.000 đồng/m^2; Do đó UBND huyện C ban hành Quyết định số 3708 phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Q 290,0m^2 đất nông nghiệp thuộc thửa đất số C/508 tờ bản đồ địa chính số 42 xã Đ (tương ứng thửa đất thu hồi số 3A tờ bản đồ thu hồi số 1) có đơn giá 71.000 đồng/m^2 và Giá đất hỗ trợ đối với 290m^2 đất nông nghiệp (59.000đồng/m^2× 1,5=88.500đồng/m^2) là đúng quy định.

Ông Q khởi kiện yêu cầu bồi thường đất với đơn giá 492.000 đồng/m^2 là không có cơ sở.

[4.2.2]. *Đối với yêu cầu buộc UBND huyện C phải bồi thường bổ sung diện tích 62,8m^2:*

Nguồn gốc 1.597m^2 đất của ông Q thuộc thửa số 508 tờ bản đồ địa chính số 42 xã Đ là nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Vũ Xuân H (vợ là bà Phan Nguyệt Kiều O) từ năm 2014. Sau khi hoàn thành thủ tục nhận chuyển nhượng, ông Q đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Ngày 13/8/2015, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C có Biên bản số 04/BB kiểm kê hiện trạng đất đai, nhà, vật kiến trúc, cây trồng đối với hộ ông Q; riêng diện tích đất kiểm kê là 352,8m^2 thuộc thửa đất thu hồi số 3A tờ bản đồ thu hồi số 1. Qua kiểm tra và đối chiếu với hồ sơ địa chính thì trong diện tích 352,8m^2 đất đã kiểm kê của hộ ông Q thể hiện:

- *Phần đất đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ* là 290,0m^2 thuộc một phần thửa đất số 508 tờ bản đồ địa chính số 42 xã Đ; đất đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận số BU 277935 ngày 12/6/2014 cho ông Q.

- *Phần diện tích không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ* là 62,8m^2 thuộc đất đường giao thông do Nhà nước quản lý, ông Q đã lấn chiếm sử dụng.

Như vậy, phần đất 62,8m^2 nêu trên không nằm trong tổng diện tích 1.597m^2 đất của thửa số 508 tờ bản đồ địa chính số 42 xã Đ đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 277935 ngày 12/6/2014 cho ông Q; phần đất 62,8m^2 xác định là đất giao thông do Nhà nước quản lý, ông Q đã lấn chiếm sử dụng, nên UBND huyện C ban hành các Quyết định về việc thu hồi, bồi thường 290,0m^2 đất của ông Q đúng.

[5] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BR-VT nhận định và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Q là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Vì các căn cứ trên, ông Q khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định và yêu cầu buộc UBND huyện C phải bồi thường 62,8m^2 đất còn thiếu và xác định lại giá bồi thường là 180.000đồng/m^2 là không có căn cứ. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông ông Q.

[7] Về án phí Hành chính sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ông Q phải nộp 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

Áp dụng: Các Điều 112, 114, 115, 116 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Điều 3 Thông tư 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư liên tịch số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/06/2016 của Bộ Tài chính với Bộ Tài nguyên và Môi trường; Điều 7 và 8 Quyết định 33/2015/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q yêu cầu hủy các Quyết định:

Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Q lần hai; Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Q lần đầu; Quyết định số 1077/QĐ-

UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất của ông Nguyễn Văn Q; Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 12/01/2017, Quyết định số 3673/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 và Quyết định số 3708/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 đều của Ủy ban nhân dân huyện C; Không chấp nhận yêu cầu buộc UBND huyện C phải bồi thường 62,8m^2 đất còn thiếu và xác định lại giá bồi thường theo Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu với giá đất khu vực 2, vị trí 1 là 180.000đồng/m^2.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Q phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền theo Biên lai thu số 0004084 ngày 11/10/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ông Q đã nộp xong án phí.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA
(đã ký và đóng dấu)

Đào Đức Thiện